

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2020

V/v: “Ly hôn giữa chị P
và anh K”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thành Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Quỳ**

2. Ông **Nguyễn Hoàng Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Lưu Quốc Phú** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Tiểu P**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện C, TP.Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Tuấn K**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện C, TP.Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Tiểu P trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2010 chị và anh Trần Tuấn K quen biết nhau. Sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và được đồng ý của cha, mẹ gia đình hai bên nên chị và anh K cưới nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào ngày

19/4/2011. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại ấp X, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ được khoảng một năm thì đến thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc. Khi sinh sống và làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị và anh K đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Đến năm 2013, do mâu thuẫn quá trầm trọng nên chị và anh K đã thống nhất sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không có quan tâm, chăm sóc nhau, giữa chị và anh K đều đã có cuộc sống riêng. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân như thế không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Có một con chung tên Trần Tuấn Khang (nam), sinh ngày 12/02/2012, hiện do anh K nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao cho anh K nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Tuấn K không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tiểu P.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Tiểu P và anh Trần Tuấn K có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Trong thời kỳ hôn nhân, do chị P và anh K không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên đã cố hàn gắn nhưng không thành. Từ năm 2013 chị P và anh K đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K, còn anh K mặc dù được Tòa án triệu tập đến làm việc, hòa giải về yêu cầu ly hôn của chị P nhưng anh K đã không đến. Điều này, thể hiện anh K cũng không còn thiết tha gì đến hôn nhân giữa anh và chị P. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

- Về con chung: Giữa chị Lê Thị Tiểu P và anh Trần Tuấn K có một con chung tên Trần Tuấn Khang, chị P đồng ý giao cho anh K nuôi dưỡng. Xét cháu Khang hiện do anh K nuôi dưỡng và cháu Khang cũng có nguyện vọng sống chung với anh K, anh K có đủ điều kiện để nuôi dạy cháu Khang. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Khang cho anh K nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do không ghi được ý kiến của anh K về việc có hay không việc yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, chị P cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Tiểu P khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Chị Lê Thị Tiểu P khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Tiểu P khởi kiện anh Trần Tuấn K có địa chỉ tại ấp X, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ với yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung sau khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Khi tiến hành xét xử, anh Trần Tuấn K được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tiểu P và anh Trần Tuấn K cưới nhau vào năm 2010, đến năm 2011 đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Trong thời kỳ hôn nhân, chị P khai, chị và anh K sống hạnh phúc chỉ được một năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên đã cố hàn gắn nhưng không thành. Sự việc kéo dài đến năm 2013 do mâu thuẫn quá trầm trọng nên chị P và anh K đã sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K. Còn anh K, mặc dù đã được triệu tập đến Tòa án nhiều lần để giải quyết, nhưng anh vẫn không đến

và cũng không có bất cứ văn bản nào gửi cho Tòa án để nêu ý kiến của mình. Như vậy, ông K đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân muốn đem lại hạnh phúc lâu dài cho cả hai vợ chồng và các con sau này thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Tuy nhiên theo xác minh, cuộc sống hôn nhân giữa chị P và anh K có quá nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn, từ khi ly thân cho đến nay, hai bên đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và tình cảm vợ chồng cũng không còn. Điều này cho thấy, đời sống chung giữa chị P và anh K không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Ngoài ra, anh K cũng không đến Tòa án để thể hiện ý kiến được hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Tiểu P đồng ý giao con chung tên Trần Tuấn Khang cho anh Trần Tuấn K nuôi dưỡng. Xét thấy, Tuấn Khang hiện do anh K nuôi dưỡng và anh K có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Tuấn Khang. Ngoài ra, Tuấn Khang cũng có nguyện vọng sống chung với anh K. Cho nên, Hội đồng xét xử giao Tuấn Khang cho anh K nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do không ghi được ý kiến của anh K về việc có hay không việc yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, chị P cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.4] Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.5] Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Tiểu P phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tiểu P đối với anh Trần Tuấn K.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Tiểu P và anh Trần Tuấn K.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Tuấn Khang (nam), sinh ngày 12/02/2012 cho anh Trần Tuấn K nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho chị Lê Thị Tiểu P, không ai được phép cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

1.4. Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là tự thỏa thuận, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

1.5. Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Tiểu P phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai số 013001 ngày 20 tháng 02 năm 2020 thành án phí.

3. Tuyên án công khai. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã T,
huyện C;
- Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thành Sang